

Số: 1462 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh, Dược phẩm, An toàn
vệ sinh thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 89/TTr-SYT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh, Dược phẩm, An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cụ thể hóa việc áp dụng thực thi phương án đơn giản đối với 03 thủ tục hành chính đã được phê duyệt thông qua tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, PVHCC. *rl*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 03 THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH, AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Thủ tục: Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Mã TTHC: 1.012278.H21)

1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài.

- **Lý do:** Hiện nay Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã có Kho dữ liệu điện tử thủ tục hành chính, trong đó lưu trữ các thông tin như: kho dữ liệu công dân, kho dữ liệu cơ quan, giấy tờ và hồ sơ giấy đã số hóa. Các kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương đều được “lưu kho” vào kho dữ liệu dùng chung. Trên cơ sở thông tin do cá nhân, tổ chức khai trên đơn, tờ khai, Bộ phận tiếp nhận, giải quyết hồ sơ có thể truy cập kho dữ liệu hoặc truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc hệ thống quản lý quốc gia về đăng ký, cấp phép hành nghề khám bệnh chữa bệnh của Bộ Y tế tại địa chỉ <https://qlhanhnghekc.gov.vn> để khai thác, truy xuất dữ liệu và lưu hồ sơ các thành phần hồ sơ “*Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài*” mà không yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp thành phần hồ sơ nêu trên; điều này, sẽ giúp giảm chi phí thực hiện thủ tục, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị thực thi

Tại điểm b khoản 1 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định thành phần hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề như sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 59 Nghị định này:

a) Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế);

...

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động nhưng thay đổi địa điểm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Nghị định này:

a) Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;...”

Do đó, theo nội dung tại mục 1 phần I của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định thành phần hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề như sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 59 Nghị định này:

a) Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc hệ thống quản lý quốc gia về đăng ký, cấp phép hành nghề khám bệnh chữa bệnh của Bộ Y tế tại địa chỉ <https://qlhanhnghekc.gov.vn>);*

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (không áp

dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế);

...

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động nhưng thay đổi địa điểm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Nghị định này:

a) Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc hệ thống quản lý quốc gia về đăng ký, cấp phép hành nghề khám bệnh chữa bệnh của Bộ Y tế tại địa chỉ <https://qlhanhnghekc.gov.vn>);*

...”

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa ước tính: 823.892.040 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa ước tính: 817.490.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện thủ tục hành chính ước tính: 6.401.840 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 0,8 %.

II. Thủ tục 02: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) (Mã TTHC: 1.014076.H21)

1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thành phần hồ sơ: (i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; (ii) Chứng chỉ hành nghề dược.

- Lý do: Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã có Kho dữ liệu điện tử thủ tục hành chính, trong đó lưu trữ các thông tin như: kho dữ liệu công dân, kho dữ liệu cơ quan, giấy tờ, hồ sơ giấy đã số hóa. Các kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương đều được “lưu kho” vào kho dữ liệu dùng chung. Trên cơ sở thông tin do công dân, tổ

chức khai trên đơn, tờ khai, Bộ phận tiếp nhận, giải quyết hồ sơ có thể truy cập kho dữ liệu hoặc truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để khai thác, truy xuất dữ liệu và lưu hồ sơ các thành phần hồ sơ “(i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; (ii) Chứng chỉ hành nghề được” mà không yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ nêu trên; điều này, sẽ giúp giảm chi phí thực hiện thủ tục, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị thực thi

Tại Khoản 1, khoản 2 Điều 38 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội quy định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bao gồm:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 36 của Luật này bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược;
- b) Tài liệu kỹ thuật tương ứng với cơ sở kinh doanh dược quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở;

d) Chứng chỉ hành nghề dược.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Luật này bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược;
- b) Tài liệu kỹ thuật tương ứng với điều kiện kinh doanh thay đổi;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở;

d) Chứng chỉ hành nghề dược.

Do đó, theo nội dung tại mục 1 phần II của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 1, khoản 2 Điều 38 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội như sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 36 của Luật này bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược;
- b) Tài liệu kỹ thuật tương ứng với cơ sở kinh doanh dược quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp);*

d) Chứng chỉ hành nghề được *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp);*

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Luật này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được;

b) Tài liệu kỹ thuật tương ứng với điều kiện kinh doanh thay đổi;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp);*

d) Chứng chỉ hành nghề được *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).*

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa ước tính: 2.365.590.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa ước tính: 2.317.782.120 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện thủ tục hành chính ước tính: 47.812.080 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 2 %.

III. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (Mã TTHC: 1.013855.H21).

- Nội dung đề xuất: Cắt giảm thành phần hồ sơ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở).

- Lý do: Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Gia Lai đã có Kho dữ liệu điện tử thủ tục hành chính, trong đó lưu trữ các thông tin như: kho dữ liệu công dân, kho dữ liệu cơ quan, giấy tờ, hồ sơ giấy đã số hóa. Các kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương đều được “lưu kho” vào kho dữ liệu dùng chung. Trên cơ sở thông tin do công dân, tổ chức khai trên đơn, tờ khai, Bộ phận tiếp nhận, giải quyết hồ sơ có thể truy cập kho dữ liệu hoặc truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để khai thác, truy xuất dữ liệu và lưu hồ sơ các thành phần hồ

sơ như: “*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất*” mà không yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ này khi thực hiện thủ tục hành chính; điều này, sẽ giúp giảm chi phí thực hiện thủ tục, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị thực thi

Tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm như sau:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018).

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở);

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

đ) Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

Do đó, theo nội dung tại mục 1 phần III của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm như sau:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018).

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở) *(không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp);*

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

đ) Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa ước tính: 805.914.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa ước tính: 785.082.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện thủ tục hành chính ước tính: 20.832.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 2,6 %.
